

ĐỘNG LỰC MỚI CHO PHÁT TRIỂN KINH TẾ VIỆT NAM

TS HOÀNG XUÂN LONG

Viện Chiến lược và Chính sách KH&CN

Nền kinh tế nước ta hiện đang phải chịu tác động từ bối cảnh (khủng hoảng kinh tế thế giới), giai đoạn phát triển (ra khỏi nhóm nước có thu nhập thấp và bước vào nhóm nước đang phát triển có thu nhập trung bình - một chặng đường mới, với những thách thức mới) và nguồn lực tăng trưởng (sau một thời gian phát huy tác dụng mạnh mẽ, tác động gia tăng nguồn lực và các giải pháp đổi mới, mở cửa trước đây đang dần giảm sút). Các yếu tố này đồng thời tồn tại, khiến cho nền kinh tế rơi vào tình trạng trì trệ. Theo tác giả, để phục hồi và thúc đẩy phát triển kinh tế phải có một động lực mới, đó là dựa trên khoa học và công nghệ (KH&CN) và đổi mới - sáng tạo.

Diễn tiến của nền kinh tế theo các cách khác nhau

Cách thứ nhất là chờ đợi sự trở lại bình thường của bối cảnh bên ngoài. Khủng hoảng kinh tế thế giới qua đi và theo đó, tăng trưởng kinh tế ở nước ta sẽ phục hồi sau giai đoạn lao dốc do chịu các biến cố. Ở đây, tình hình được cải thiện không nhờ bổ sung động lực mới¹ mà là bởi tự nền kinh tế bật lên sau khi đã “chạm đáy”.

Tuy ít tổn súc, nhưng cách này chưa cải thiện được nhiều tình hình. Trì trệ kinh tế ở Việt Nam vốn do nhiều nguyên nhân, trong đó ảnh hưởng từ khủng hoảng bên ngoài chỉ là một. Bỏ qua các nguyên nhân khác cũng đồng nghĩa với việc giải quyết vấn đề không triệt để. Hơn nữa, dù qua khủng hoảng này, kinh tế Việt Nam vẫn dễ dàng bị tổn thương bởi các khủng hoảng tương tự khác có thể diễn ra trong thời gian tới.

Cách thứ hai là ngoài việc áp dụng các biện pháp đối phó với tác động của khủng hoảng thế giới, chú trọng tạo dựng động lực mới cho phát triển kinh tế thông qua tiếp tục thúc đẩy đổi mới theo cơ chế thị trường. Cách này thành công sẽ đảm bảo lấy lại đà tăng trưởng nhanh, nhưng khó duy trì

bền vững, dài lâu. Động lực mới từ tiếp tục đổi mới theo cơ chế thị trường có những giới hạn sớm hình thành nên trần của tăng trưởng kinh tế. Thực chất, đó vẫn thuộc về phương thức phát triển theo chiều rộng.

Cách thứ ba là bổ sung thêm vào cách thứ hai sự kết hợp phát triển theo chiều rộng và phát triển theo chiều sâu với trọng tâm tăng cường KH&CN và đổi mới sáng tạo (innovation) trong hoạt động kinh tế. Mặc dù đề cập từ sớm và nhiều đến công nghiệp hoá - hiện đại hoá, gắn kết NC&PT và sản xuất, tiếp cận kinh tế tri thức..., nhưng trên thực tế, phát triển kinh tế dựa trên KH&CN và đổi mới ở Việt Nam vẫn còn rất khiêm tốn. Tăng trưởng kinh tế vừa qua chủ yếu dựa vào tăng yếu tố vốn, đất đai, lao động²; xã hội và doanh nghiệp chưa thực sự coi trọng và chú ý đầu tư cho KH&CN... Điểm trống hiện tại là tiềm năng trong tương lai.

Với cách thứ ba, động lực kinh tế được bổ sung thêm đáng kể, bao gồm: phần phục hồi trở lại sau ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới, phần tăng thêm do phát triển theo chiều rộng và phần mới từ phát triển theo chiều sâu. Đặc biệt, động lực kinh tế từ KH&CN và đổi mới sáng

tạo có khả năng thay đổi mô hình phát triển, đảm bảo cho tăng trưởng mạnh mẽ, bền vững và hướng tới những tầng nấc mới.

Tạo dựng động lực kép cho nền kinh tế

Kết hợp phát triển theo chiều rộng và phát triển theo chiều sâu từng được kiểm nghiệm qua thực tế ở Trung Quốc. Trong nhiều năm qua, Trung Quốc đã kiên trì thống nhất giữa cải cách, mở cửa và hiện đại hoá để tạo nên động lực thúc đẩy nền kinh tế phát triển mạnh mẽ và liên tục. Ngay cả khi đối phó với các cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới diễn ra gần đây, Trung Quốc vẫn đề cao mối quan hệ thống nhất này. Trong khi phân biệt rõ vấn đề cấp bách và giải pháp tập trung vào tháo gỡ những khó khăn trước mắt, Trung Quốc đã kết hợp với giải quyết những vấn đề cơ bản của nền kinh tế. Điển hình như trong gói kích thích kinh tế 568 tỷ USD trong 2 năm 2009-2010, Trung Quốc coi trọng đầu tư đổi mới công nghệ, tái cơ cấu kinh tế, phát triển năng lượng tái tạo nhằm từng bước chuyển dần sang mô hình tăng trưởng sử dụng hiệu quả năng lượng.

Việt Nam tiến hành đổi mới sang

cơ chế thị trường và mở cửa cùng thời gian với Trung Quốc. Tuy nhiên, khác biệt là ở chỗ chúng ta chậm trễ trong hiện đại hoá nền kinh tế dựa trên KH&CN. Trong khi Việt Nam tiến tuân tự (đi hết phát triển theo chiều rộng mới chuyển sang phát triển chiều sâu), Trung Quốc lại tích hợp đồng thời hai hướng phát triển theo chiều rộng và theo chiều sâu. Việt Nam tụt hậu so với Trung Quốc không chỉ bởi thiếu hụt một phần động lực quan trọng mà còn vì cung đường đi vòng dài hơn. Những khó khăn hiện nay chính là sự cảnh tỉnh, buộc chúng ta phải thực sự có những thay đổi căn bản trên thực tế. Khó khăn này cũng chính là cơ hội cần tận dụng.

Để phát triển kinh tế dựa trên KH&CN, phải đối mặt với những vấn đề mới. Trong đó, nổi bật là các vấn đề liên quan tới năng lực công nghệ quốc gia, khắc phục sự phụ thuộc về công nghệ, tranh thủ FDI để tăng cường KH&CN.

Tạo dựng năng lực công nghệ quốc gia

Khái niệm năng lực công nghệ quốc gia ra đời gắn với bối cảnh nhấn mạnh đến phát triển kinh tế dựa trên KH&CN và mở rộng hội nhập quốc tế của các nước đang phát triển. Phát triển kinh tế dựa trên KH&CN và tranh thủ xu hướng toàn cầu hóa hiện nay đòi hỏi cách tiếp cận mới thay vì cách thức phát triển cũ. Không thể giản đơn dựa vào KH&CN bên ngoài và cũng không thể chỉ trông cậy vào thành tựu KH&CN trong nước. Không thể phát triển KH&CN độc lập với kinh tế - xã hội và cũng không thể trông cậy vào mối quan hệ tự nhiên, tự phát giữa KH&CN và kinh tế.

Cả phát triển kinh tế dựa trên KH&CN và mở rộng hội nhập quốc tế đều đặt yêu cầu xây dựng năng lực nội sinh hướng vào tăng cường gắn kết giữa KH&CN và kinh tế. Đây là năng lực mang tính “mở” trên hai khía cạnh: có khả năng thu hút nguồn lực KH&CN bên ngoài và biến thành

của mình; có khả năng lấy KH&CN làm động lực cho phát triển kinh tế và ngược lại. Có thể khẳng định, phát triển kinh tế dựa trên KH&CN và mở rộng hội nhập quốc tế của các nước đang phát triển nếu không dựa trên năng lực công nghệ quốc gia phù hợp sẽ chỉ mang tính hình thức và thiếu thực chất.

Định nghĩa về năng lực công nghệ quốc gia thường được nêu ra khá trừu tượng như “Năng lực công nghệ quốc gia là khả năng của một nước triển khai các công nghệ đã cho một cách có hiệu quả và đối phó được với những thay đổi công nghệ lớn” (S. Lall)... Thực ra, năng lực này vốn mang tính hai mặt. Một mặt là cụ thể dưới dạng cơ chế, chính sách và yếu tố tiềm lực KH&CN và kinh tế. Mặt khác, là trừu tượng với định hướng phục vụ các mục tiêu liên kết giữa bên trong và bên ngoài, giữa KH&CN và kinh tế. Đó là hai mặt thống nhất như nội dung và hình thức, phần hồn và phần xác. Năng lực công nghệ quốc gia hình thành và phát huy trên sự thống nhất này.

Nhấn mạnh mặt trừu tượng có ý nghĩa phân biệt giữa tiềm lực KH&CN và năng lực công nghệ quốc gia. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra hiệu quả hoạt động KH&CN của các nước đang phát triển thường thua kém các nước phát triển. Một phần nguyên nhân chính là xu hướng chạy theo bề nổi: nỗ lực xây dựng tiềm lực KH&CN mạnh trong khi năng lực công nghệ quốc gia yếu.

Năng lực công nghệ quốc gia bao gồm năng lực nhập công nghệ, năng lực làm chủ công nghệ, năng lực bắt chước công nghệ và năng lực sáng tạo công nghệ. M. Fransman đã đề cập tới các mức của năng lực công nghệ quốc gia như: tìm những công nghệ có thể thay thế nhau, có thể thu nhận được và chọn ra công nghệ thích hợp nhất; làm chủ công nghệ, nghĩa là sử dụng công nghệ một cách có kết quả trong việc biến đổi đầu vào thành

đầu ra; thích nghi hóa công nghệ sao cho nó phù hợp với các điều kiện sản xuất đặc thù; phát triển công nghệ nhờ những đổi mới nhỏ (cải tiến); tìm kiếm một cách có tổ chức những đổi mới đáng kể trên cơ sở phát triển các phương tiện NC&PT; tiến hành nghiên cứu cơ bản. Năng lực công nghệ quốc gia cũng bao gồm năng lực các địa phương, năng lực của các doanh nghiệp... Năng lực công nghệ quốc gia phát huy tác dụng trên thực tế thông qua các năng lực cụ thể về khía cạnh và cấp độ. Ở Việt Nam, chúng ta đã có nhiều cố gắng thúc đẩy năng lực nhập công nghệ, năng lực làm chủ... Đồng thời, dưới góc độ năng lực công nghệ quốc gia có thể thấy, ngoài hạn chế về mức độ của từng năng lực cụ thể, hạn chế trong gắn kết, phối hợp giữa các năng lực đó cũng cần đặt ra như một vấn đề cần khắc phục.

Quyết tâm khắc phục sự phụ thuộc về công nghệ

Phụ thuộc công nghệ là dựa vào công nghệ bên ngoài để tồn tại và phát triển, nhưng đồng thời lại bị ràng buộc bằng những điều kiện không có lợi cho mình. Có nhiều biểu hiện về phụ thuộc công nghệ như: ép phải mua với giá đắt; không chuyển giao công nghệ gốc; không chuyển giao toàn bộ công nghệ và khi sửa chữa phải trông cậy vào phía chuyển giao; chịu các điều kiện khống chế về cải tiến công nghệ được chuyển giao, thị trường sản phẩm tạo ra từ công nghệ được chuyển giao; chịu các yêu sách về kinh tế, quân sự...

Quyết tâm, ý chí khắc phục sự phụ thuộc công nghệ phải thể hiện ở các mục tiêu chiến lược. Đây là mục tiêu xứng đáng được nhấn mạnh ngang với các mục tiêu quan trọng khác trong các chiến lược phát triển quốc gia. Tuyên ngôn về độc lập công nghệ cần cụ thể về mức độ theo từng giai đoạn ứng với các điểm mốc ấn định trên chặng đường lâu dài. Hiện nay, nhiều nước đang có những mục tiêu

liên quan tới khắc phục phụ thuộc và hướng tới độc lập công nghệ. Trung Quốc đề ra mục tiêu đến năm 2020: tăng sử dụng công nghệ nội địa lên trên 60% và hạn chế sự phụ thuộc hoàn toàn vào công nghệ nước ngoài xuống dưới 30%; trở thành siêu cường quốc về công nghệ được bắt đầu từ việc sử dụng công nghệ của nước ngoài được thay đổi theo các tiêu chuẩn nội địa của Trung Quốc (Đề cương quy hoạch phát triển KH&CN trung hạn và dài hạn quốc gia 2006-2020). Mục tiêu của Philippin đến năm 2020: giá trị gia tăng trong xuất khẩu công nghệ cao đạt 70%, đạt trình độ thế giới trong lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông (Kế hoạch quốc gia về KH&CN 2002-2020). Mục tiêu của Ấn Độ: phát triển công nghệ nội sinh để hạn chế lệ thuộc công nghệ nước ngoài; ngang với các nước phát triển vào năm 2020 (Kế hoạch phát triển KH&CN 2007-2012). Mục tiêu đến năm 2020 của Malaixia: phát triển một xã hội khoa học và tiến bộ, một xã hội không chỉ tiêu dùng công nghệ mà còn đóng góp cho nền văn minh KH&CN tương lai (Tầm nhìn Malaixia 2020).

Việt Nam hiện còn thiếu các mục tiêu chiến lược hướng tới độc lập công nghệ. Điều này sẽ gây khó khăn trong tập hợp lực lượng phát triển nền KH&CN mang tính độc lập, phối hợp giữa phát triển KH&CN và phát triển kinh tế - xã hội, điều chỉnh bước đi qua các giai đoạn phát triển.

Tranh thủ FDI để tăng cường KH&CN

FDI có thể được coi như là nhân tố tiên tiến thâm nhập vào nền kinh tế vốn còn lạc hậu ở các nước đang phát triển. Ý nghĩa của FDI trong phát triển KH&CN của các nước đang phát triển là khá rõ ràng và mang tính phổ biến. Tuy nhiên, trên thực tế vẫn tồn tại những sự khác nhau đáng kể. Có thể nói tới 3 cấp độ tranh thủ FDI để tăng cường KH&CN của các nước đang phát triển.

Cấp độ 1: FDI mang tới nước sở tại

các thành tựu KH&CN được thực hiện ở bên ngoài. Các kết quả đó là những công nghệ, hình thức tổ chức quản lý, ngành nghề kinh tế mới...

Cấp độ 2: NC&PT được thực hiện trong các đơn vị FDI hoạt động ở các nước đang phát triển. Các đơn vị FDI tại các nước đang phát triển không chỉ ứng dụng kết quả KH&CN mà còn tiến hành các hoạt động KH&CN. Hiện diện ở nước đang phát triển không chỉ có các doanh nghiệp FDI mà còn có tổ chức NC&PT FDI.

Cấp độ 3: xuất hiện các quan hệ giữa hoạt động sản xuất của FDI với hoạt động KH&CN của các tổ chức KH&CN bản địa, hoạt động KH&CN của FDI với hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp bản địa... Những quan hệ liên kết và hợp đồng phụ trong hoạt động kinh tế hoàn toàn có thể thực hiện trong lĩnh vực NC&PT.

Các cấp độ nêu trên thể hiện khả năng khác nhau trong việc rút ngắn cách biệt về KH&CN của các nước đang phát triển với các nước phát triển. Mặt khác, các cấp độ cũng đòi hỏi điều kiện khác nhau tương ứng. Với cấp độ 1, mức độ tiên tiến của các công nghệ, trình độ quản lý tổ chức phụ thuộc vào trình độ lao động, mức độ cạnh tranh mà FDI phải đối mặt. Với cấp độ 2, việc FDI tiến hành hoạt động KH&CN ngay tại nước sở tại phụ thuộc vào hoạt động sản xuất kinh doanh ở đó yêu cầu phải có những nghiên cứu riêng (nhất là để đáp ứng những thị trường đặc thù) và khả năng có thể sử dụng có lợi đội ngũ nhân lực KH&CN bản địa. Ở cấp độ 3, các đơn vị kinh tế và KH&CN ở nước sở tại phải sẵn sàng ở mức độ cao trong việc tiếp nhận các mối quan hệ với FDI; trình độ kinh tế và KH&CN ở nước sở tại đạt tới mức FDI thấy cần thiết và có thể thiết lập các quan hệ liên kết ra bên ngoài nền kinh tế để tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của mình.

Trong thời gian qua, Việt Nam đã thu hút được khá nhiều doanh nghiệp FDI. Vốn FDI luôn chiếm một phần tư

trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội, các doanh nghiệp FDI cũng góp phần gia tăng xuất khẩu, kiểm soát nhập siêu, bù đắp sự thiếu hụt về vốn ngoại tệ, phát triển nguồn nhân lực và tạo việc làm. Tuy nhiên, lợi ích về KH&CN do FDI mang lại vẫn chưa thực sự rõ nét. Chúng ta mới đạt ở mức dưới của cấp độ 1. Cần coi việc phấn đấu nâng cấp độ tranh thủ FDI để tăng cường KH&CN của đất nước như là một mục tiêu chiến lược ■

Chú thích và tài liệu tham khảo

¹ Thực chất các gói cứu trợ nền kinh tế bị ảnh hưởng bởi khủng hoảng (như trong Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11.12.2008 về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội) không phải là động lực mới của nền kinh tế. Đó chỉ là sự hỗ trợ giúp nền kinh tế vượt qua khủng hoảng.

² Những năm 2000, Việt Nam nhận được dòng vốn cao kỷ lục. Trong giai đoạn này, năng suất các yếu tố tổng hợp chỉ đóng góp 15% tăng trưởng, phần còn lại do tích lũy vốn vật chất và nguồn vốn con người. Giai đoạn 2007-2010, tăng trưởng hầu như hoàn toàn là dựa vào tích lũy vốn (<http://cafef.vn/kinh-te-vi-mo-dau-tu/tu-cuoc-doi-moi-1986-den-tai-co-cau-kinh-te-2013-chung-ta-co-gi-201311251451140974ca33.chn>).

- Việt Nam: Giấc mơ thành quốc gia thượng đẳng? (<http://vietnamnet.vn/vn/tuanvietnam/159141/viet-nam--giac-mo-thanh-quoc-gia-thuong-dang-.html>).

- Nhìn lại nền kinh tế Việt Nam sau 25 năm đổi mới (<http://www.khoaqqh.edu.vn/news/172-Nhin-lai-nen-kinh-te-Viet-Nam-sau-25-nam-doi-moi.html>).

- Quá trình đổi mới ở Việt Nam hiện nay: nhìn từ góc độ mâu thuẫn của quá trình phát triển (<http://thongtinphapluatdansu.edu.vn/2008/03/12/4101>).

- Dieter Ernst: China's innovation policy is a wakeup call for America. Analysis from the EastWest Center, No 100. 5.2010.

- Globalization alters traditional R&D Rules (Global R&D report 2007. R&D Magazine, 9.2006).

- Chuyển giao công nghệ vào các nước đang phát triển (www.dailytimes.com.pk, 2.2006).

- Vai trò của các công ty đa quốc gia trong tiến trình toàn cầu hóa R-D, World Investment Report 2006.